

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT
TRIỂN NÔNG THÔN**

QUYẾT ĐỊNH số 07/2005/QĐ-BNN

**ngày 31/01/2005 của Bộ trưởng
Bộ Nông nghiệp và Phát triển
nông thôn về việc ban hành
Quy định về quản lý và sử
dụng lợn đực giống.**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

*Căn cứ Nghị định 86/2003/NĐ-CP
ngày 18 tháng 7 năm 2003 của Chính
phủ quy định chức năng, nhiệm vụ,
quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông
nghiệp và Phát triển nông thôn;*

Căn cứ Pháp lệnh Giống vật nuôi;

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Nông
nghiệp,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết
định này “Quy định về quản lý và sử
dụng lợn đực giống”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi
hành sau mười lăm ngày, kể từ ngày
đăng Công báo.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục
trưởng Cục Nông nghiệp, Giám đốc Sở
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung
ương, Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân
có liên quan chịu trách nhiệm thi hành
Quyết định này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Thứ trưởng

Bùi Bá Bổng

**QUY ĐỊNH về quản lý và sử dụng
lợn đực giống**

*(ban hành kèm theo Quyết định số
07/2005/QĐ-BNN ngày 31 tháng
01 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nông
nghiệp và Phát triển nông thôn).*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy định này áp dụng đối với
tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá
nhân nước ngoài nuôi lợn đực giống để
sản xuất tinh sử dụng trong thụ tinh
nhân tạo hoặc để phối giống trực tiếp
(sau đây gọi là người nuôi lợn đực giống).

Điều 2. Người nuôi lợn đực giống phải
tuân thủ đồng thời các văn bản quy
phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Các thuật ngữ dùng trong Quy
định này được hiểu như sau:

1. *Cơ sở nuôi lợn đực giống* là nơi nuôi

lợn đực để phối giống trực tiếp hoặc để sản xuất tinh sử dụng thụ tinh nhân tạo lợn, bao gồm:

- a) Các doanh nghiệp, cơ sở nghiên cứu và trang trại chăn nuôi;
- b) Trạm thụ tinh nhân tạo lợn;
- c) Hộ chăn nuôi gia đình.

2. *Chứng chỉ chất lượng giống* là văn bản của cơ quan quản lý ngành nông nghiệp chứng nhận phẩm cấp giống đối với lợn đực giống theo các tiêu chuẩn quy định hiện hành.

Điều 4. Người nuôi lợn đực giống phải công bố chất lượng giống theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Quyết định số 61/2002/QĐ-BNN, ngày 08 tháng 7 năm 2002 về việc ban hành Danh mục hàng hóa giống vật nuôi phải công bố tiêu chuẩn chất lượng; Quyết định số 66/2002/QĐ-BNN về việc ban hành các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật đối với giống vật nuôi phải công bố chất lượng và Quyết định số 67/2002/QĐ-BNN về việc ban hành Quy định tạm thời các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật đối với giống vật nuôi.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG LỢN ĐỰC GIỐNG ĐỂ THỤ TINH NHÂN TẠO

Điều 5. Người nuôi lợn đực giống để sản xuất tinh sử dụng cho thụ tinh nhân tạo phải bảo đảm các điều kiện quy định tại điểm a, b, c, đ và e khoản 1 Điều 19

của Pháp lệnh Giống vật nuôi, đồng thời phải bảo đảm các điều kiện sau đây:

1. Lợn đực nuôi để sản xuất tinh sử dụng trong thụ tinh nhân tạo là lợn đực đã được kiểm tra năng suất cá thể và phải đạt yêu cầu về chất lượng theo tiêu chuẩn kiểm tra năng suất cá thể. Lợn đực giống phải có lý lịch rõ ràng, kèm theo phiếu kiểm dịch thú y, chứng chỉ chất lượng giống do cơ quan quản lý nhà nước ngành nông nghiệp có thẩm quyền cấp. Mỗi đực giống đều được đánh số và vào sổ theo dõi theo quy định hiện hành.

2. Số lượng lợn đực giống trong một trạm thụ tinh nhân tạo không ít hơn bốn con và trong một trang trại phải phù hợp với quy mô đàn nái.

3. Chuồng trại phải bảo đảm vệ sinh thú y và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về thú y và pháp luật về bảo vệ môi trường. Diện tích chuồng nuôi tối thiểu 5m²/con đối với lợn nội và 6m²/con đối với lợn ngoại.

4. Có hoặc thuê nhân viên kỹ thuật có trình độ từ trung cấp chăn nuôi thú y trở lên và được đào tạo, cấp chứng chỉ về kỹ thuật khai thác, pha chế, bảo quản và vận chuyển tinh dịch.

5. Có sổ sách theo dõi chất lượng tinh dịch, đủ trang thiết bị và vật tư chuyên ngành được quy định tại phụ lục 1, 2, 3, 4 và 5 kèm theo văn bản này.

Điều 6. Trong thời gian sản xuất tinh, lợn đực giống phải được theo dõi và kiểm tra định kỳ mỗi tháng một lần các chỉ tiêu sức đề kháng của tinh trùng (R), tỷ lệ tinh trùng kỳ hình (K). Mỗi lần khai

thác tinh phải kiểm tra các chỉ tiêu: mẫu sắc, mùi, lượng xuất tinh đã lọc (V), hoạt lực của tinh trùng (A), nồng độ tinh trùng (C). Kết quả kiểm tra chất lượng tinh dịch phải được ghi chép đầy đủ, chính xác vào sổ sách, biểu mẫu theo quy định tại Phụ lục kèm theo văn bản này.

Điều 7. Việc sản xuất, pha chế, kiểm tra chất lượng, bảo tồn, phân phối, vận chuyển và vệ sinh thú y tinh dịch lợn phải tuân thủ theo các quy định tại Quy trình kỹ thuật thụ tinh nhân tạo lợn do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành. Các lọ đựng tinh phải được gắn nhãn, trên đó ghi rõ tên và số hiệu lợn đực giống; khối lượng tinh dịch; tên cơ sở sản xuất; chỉ tiêu chất lượng chủ yếu và thời hạn sử dụng.

Điều 8. Người nuôi lợn đực giống phải thực hiện nghiêm túc việc bình tuyển, giám định lợn giống hàng năm theo các tiêu chuẩn của ngành nông nghiệp đã ban hành. Nếu lợn đực không đạt tiêu chuẩn giống, người chăn nuôi lợn đực giống phải dừng ngay việc khai thác tinh dịch lợn đồng thời loại thải kịp thời và báo cáo với cơ quan có thẩm quyền đã cấp chứng chỉ chất lượng giống trên địa bàn.

Điều 9. Người nuôi lợn đực giống để sản xuất tinh sử dụng thụ tinh nhân tạo có trách nhiệm báo cáo định kỳ sáu tháng/lần chất lượng lợn giống, chất lượng tinh dịch lợn với cơ quan quản lý nhà nước về ngành nông nghiệp có thẩm quyền.

Điều 10. Lợn đực giống phải được tiêm phòng định kỳ vacxin phòng bệnh, phải được kiểm tra huyết thanh các bệnh

truyền nhiễm theo quy định của thú y. Nghiêm cấm khai thác tinh, lưu hành và sử dụng tinh dịch lợn đực giống đang bị bệnh.

Điều 11. Số lần khai thác tinh không quá hai lần/tuần đối với lợn đực giống dưới hai năm tuổi và không quá ba lần/tuần đối với lợn đực giống trên hai năm tuổi. Tuổi bắt đầu khai thác tinh của lợn đực giống không ít hơn tám tháng tuổi đối với lợn nội, mười tháng tuổi đối với lợn ngoại và tuổi sử dụng không quá ba năm rưỡi.

Điều 12. Môi trường pha loãng, bảo tồn tinh dịch lợn mới sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu lần đầu chỉ được đưa vào sử dụng và lưu thông trên thị trường sau khi đã được khảo nghiệm và có quyết định của Cục trưởng Cục Nông nghiệp cho phép ứng dụng trong sản xuất trên cơ sở kết quả nghiệm thu, đánh giá của Hội đồng khoa học do Cục thành lập. Phí khảo nghiệm do tổ chức, cá nhân nhập khẩu chịu trách nhiệm.

Điều 13. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu tinh lợn giống phải làm hồ sơ xin nhập khẩu gửi cho Cục Nông nghiệp. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn xin nhập khẩu tinh lợn giống theo mẫu quy định;

b) Hồ sơ lý lịch lợn đực giống có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu tinh lợn.

Đối với tinh lợn giống chưa có trong Danh mục giống vật nuôi được phép sản xuất kinh doanh tại Việt Nam chỉ được đưa vào sử dụng và lưu thông trên thị

trường sau khi đã được khảo nghiệm và có quyết định của Cục trưởng Cục Nông nghiệp cho phép ứng dụng trong sản xuất trên cơ sở kết quả nghiệm thu, đánh giá của Hội đồng khoa học do Cục thành lập. Phí khảo nghiệm do tổ chức, cá nhân nhập khẩu chịu trách nhiệm.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG LỢN ĐỰC GIỐNG ĐỂ PHỐI GIỐNG TRỰC TIẾP

Điều 14. Người nuôi lợn đực giống để phối giống trực tiếp phải bảo đảm các điều kiện quy định tại điểm a, b, c, d và e khoản 1, Điều 19 và điểm a, b khoản 2, Điều 20 của Pháp lệnh Giống vật nuôi.

Điều 15. Lợn đực giống sử dụng để phối giống trực tiếp phải được sản xuất từ cơ sở giống lợn đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 19 của Pháp lệnh giống vật nuôi, có lý lịch rõ ràng, phiếu kiểm dịch thú y, chứng chỉ chất lượng giống do cơ quan quản lý nhà nước về nông nghiệp cấp huyện cấp và được người chăn nuôi đăng ký với Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi có cơ sở chăn nuôi.

Điều 16. Lợn đực giống sử dụng để phối giống trực tiếp không quá ba lần/tuần. Tuổi lợn đực bắt đầu phối giống trực tiếp không ít hơn tám tháng tuổi đối với lợn nội, mười tháng tuổi đối với lợn ngoại và tuổi sử dụng không quá ba năm.

Điều 17. Lợn đực giống sử dụng để phối giống trực tiếp phải được tiêm phòng định kỳ vacxin phòng bệnh và

kiểm tra huyết thanh các bệnh truyền nhiễm theo quy định của ngành thú y. Nghiêm cấm khai thác, sử dụng lợn đực giống đang bị bệnh.

Điều 18. Người nuôi lợn đực giống để phối giống trực tiếp phải thực hiện nghiêm túc việc bình tuyển, giám định lợn giống hàng năm theo các tiêu chuẩn của ngành nông nghiệp đã ban hành. Nếu lợn đực giống không đạt tiêu chuẩn phải loại thải kịp thời và báo cáo với Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi đăng ký nuôi lợn đực giống.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CHĂN NUÔI LỢN ĐỰC GIỐNG

Điều 19. Phân cấp quản lý nhà nước đối với chăn nuôi lợn đực giống như sau:

1. Cục Nông nghiệp có trách nhiệm:

a) Thực hiện quản lý nhà nước về chất lượng lợn đực giống trên phạm vi cả nước, quản lý và cấp chứng chỉ chất lượng giống cho các cơ sở chăn nuôi lợn đực giống do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý, các công ty có 100% vốn nước ngoài;

b) Tổ chức xây dựng và ban hành các biểu mẫu theo dõi, đánh giá chất lượng giống, các phần mềm quản lý và những quy định đánh số thống nhất đối với lợn đực giống trên phạm vi cả nước;

c) Thẩm định hồ sơ, tổ chức khảo nghiệm

và cấp phép nhập khẩu tinh lợn, môi trường pha loãng, bảo tồn tinh dịch lợn;

d) Hàng năm tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy định quản lý và sử dụng lợn đực giống của các cơ sở chăn nuôi lợn đực giống do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý, các công ty có 100% vốn nước ngoài.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Thực hiện quản lý nhà nước về chất lượng lợn đực giống trên phạm vi của tỉnh, thành phố; cấp chứng chỉ chất lượng giống cho cơ sở chăn nuôi lợn đực giống trên địa bàn của tỉnh, thành phố trừ các cơ sở do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý như đã ghi ở mục a, khoản 1, Điều 19;

b) Hàng năm xây dựng kế hoạch giám định, bình tuyển lợn đực giống trên phạm vi của địa phương; chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về ngành nông nghiệp cấp huyện và cấp tương đương tổ chức thực hiện việc bình tuyển, giám định đàn lợn đực giống của các cơ sở chăn nuôi trên địa bàn do tỉnh, thành phố quản lý;

c) Hàng năm tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy định quản lý và sử dụng lợn đực giống của các cơ sở chăn nuôi lợn đực giống trên địa bàn do tỉnh, thành phố quản lý;

d) Định kỳ một lần/năm báo cáo Cục Nông nghiệp về công tác quản lý nhà nước chất lượng lợn đực giống trên địa bàn tỉnh, thành phố.

3. Cơ quan quản lý nhà nước về ngành nông nghiệp cấp huyện có trách nhiệm:

a) Quản lý nhà nước đối với chất lượng lợn đực giống sử dụng để phối giống trực tiếp nuôi tại hộ gia đình trên địa bàn;

b) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức, hướng dẫn đăng ký và cấp chứng chỉ chất lượng giống đối với lợn đực giống sử dụng để phối giống trực tiếp nuôi tại hộ gia đình;

c) Tổ chức thực hiện việc giám định, bình tuyển lợn đực giống sử dụng để phối giống trực tiếp trên địa bàn huyện;

d) Định kỳ một lần/năm báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công tác quản lý nhà nước về chất lượng lợn đực giống trên địa bàn.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Cục trưởng Cục Nông nghiệp, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Quy định này.

Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Thứ trưởng

Bùi Bá Bổng

Phụ lục 1: YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ VÀ DỤNG CỤ SẢN XUẤT TINH DỊCH TRONG TRẠM THỤ TINH NHÂN TẠO LỢN

Số thứ tự	Tên thiết bị, dụng cụ	Đơn vị tính	Số lượng đối với quy mô		
			4 - 30 lợn đực giống	31 - 50 lợn đực giống	51 - 100 lợn đực giống
Dụng cụ lấy tinh					
1	Giá nháy cho lợn đực	Chiếc	1 - 2	2 - 3	3 - 5
2	Cốc hứng tinh	Chiếc	5 - 30	30 - 50	50 - 100
3	Khăn lọc tinh	Chiếc	5 - 30	30 - 50	50 - 100
4	Khăn sạch	Chiếc	5 - 30	30 - 50	50 - 100
5	Găng tay cao su	Đôi	5 - 30	30 - 50	50 - 100
6	Thảm cao su	Chiếc	2 - 5	5 - 10	7 - 15
Dụng cụ kiểm tra, đánh giá, pha loãng tinh dịch					
1	Kính hiển vi	Chiếc	1 - 2	3 - 5	5 - 6
2	Lamen	Chiếc	300 - 500	500 - 1000	1000 - 2000
3	Phiến kính	Chiếc	300 - 500	500 - 1000	1000 - 2000
4	Buồng đếm (hồng cầu, bạch cầu)	Chiếc	2	5 - 10	20 - 50
5	Máy đo pH (pH metter)	Chiếc	1	2 - 3	3 - 5
6	Cốc đong các loại	Chiếc	5 - 10	10 - 20	50 - 80
7	Bình tam giác	Chiếc	5 - 10	10 - 20	50 - 80
8	Ống hút (pipet) các loại	Chiếc	5 - 10	10 - 20	50 - 80
9	Đũa thủy tinh	Chiếc	5 - 10	10 - 20	50 - 80
10	Giấy lọc	Gói	10 - 50	30 - 50	70 - 100
11	Giấy quỳ tím	Gói	10 - 50	30 - 50	70 - 100
12	Cân điện tử	Chiếc	1	1 - 2	2 - 3
13	Giá để ống nghiệm	Chiếc	1	5	10
14	Ống nghiệm	Chiếc	100 - 300	500 - 700	1000 - 1500
15	Máy khuấy từ tự làm nóng môi trường pha chế tinh.	Chiếc	1	1 - 2	3 - 5
16	Máy chưng cất nước 2 lần công suất 3 - 4 lít/giờ.	Chiếc	1	1 - 2	3 - 5
17	Máy xác định tinh trùng quang phổ.	Chiếc	1	1 - 2	3 - 5

Số thứ tự	Tên thiết bị, dụng cụ	Đơn vị tính	Số lượng đối với quy mô		
			4 - 30 lợn đực giống	31 - 50 lợn đực giống	51 - 100 lợn đực giống
	Dụng cụ đóng gói và bảo tồn tinh dịch:				
1	Lọ đựng liều tinh (hoặc túi nilon)	Chiếc	500 - 1000	1000 - 1500	1500 - 2000
2	Tủ lạnh	Chiếc	1	3	5
3	Tủ bảo ôn	Chiếc	1	3	5
	Các thiết bị, dụng cụ rửa và khử trùng:				
1	Bồn rửa bằng INOX	Chiếc	4 - 6	6 - 7	6 - 10
2	Chổi lông các loại	Chiếc	5 - 10	10 - 15	15 - 20
3	Giá để dụng cụ sau khi rửa	Chiếc	3 - 5	5 - 7	7 - 10
4	Xà phòng trung tính (hộp 5 lít)	Hộp	5 - 10	10 - 15	15 - 20
5	Tủ sấy	Chiếc	1	2	3
6	Tủ đựng dụng cụ sau khi khử trùng	Chiếc	1	1	1
7	Ống khử trùng dẫn tinh quản	Chiếc	1	1	1
8	Đèn khử trùng	Chiếc	1	1	1

Phụ lục 2: MẪU SỐ THEO DÕI PHẨM CHẤT TINH DỊCH LỢN
(Áp dụng đối với lợn đực giống TTNT)

Số hiệu con đực	Ngày lấy tinh	Giờ lấy tinh	Ôn độ không khí	Phẩm chất tinh dịch								Pha loãng				Người kiểm tra	Ghi chú		
				Màu sắc	V ml	A	C 10 ⁶ /ml	VAC 10 ⁹	R	Tỷ lệ kỳ hình %	Tỷ lệ sống chết %	pH	Loại môi trường sử dụng	Mức độ pha loãng	Số liều tinh sản xuất			Số liều tinh tiêu thụ	

Phụ lục 3: MẪU SỐ THEO DÕI PHẨM CHẤT TINH DỊCH LỢN
(Áp dụng đối với đực giống phối giống trực tiếp)

Số hiệu con đực	Ngày lấy tinh	Ôn độ không khí	Phẩm chất tinh dịch lợn					Ghi chú
			V (ml)	A	C (10 ⁶ /ml)	VAC (10 ⁹)	Tỷ lệ kỳ hình %	

Phụ lục 4: LỊCH LẤY TINH HOẶC PHỐI GIỐNG

Ngày, tháng, năm	Số hiệu lợn đực				Ghi chú
	Đực số 1	Đực số 2	Đực số 3	Đực số 4	
20 - 10 - 04	+		+		
21 - 10 - 04		+		+	
22 - 10 - 04					
23 - 10 - 04					
24 - 10 - 04	+		+		
25 - 10 - 04		+		+	

Phụ lục 5: PHIẾU PHÂN PHỐI TINH DỊCH LỢN

1. Cơ sở sản xuất tinh:
2. Ngày sản xuất:
3. Giống và số tai lợn đực:.....
4. Sức hoạt động của tinh trùng (tinh nguyên):.....
5. Nồng độ tinh trùng:
6. Sức hoạt động của tinh trùng sau khi pha loãng:.....
7. Sức hoạt động của tinh trùng lúc phân phối:.....
8. Số liều tinh phân phối:

Người quản lý cơ sở chăn nuôi
(Ký tên, đóng dấu)

Người phân phối tinh
(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN XIN NHẬP KHẨU TINH LỢN GIỐNG

Kính gửi: Cục Nông nghiệp

Tên tổ chức, cá nhân xin nhập khẩu:.....

Địa chỉ:

Điện thoại:.....; Fax:.....

Đề nghị Cục Nông nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho phép nhập khẩu..... liều tinh lợn giống. Cụ thể như sau:

Số thứ tự	Tên giống lợn	Phẩm cấp giống	Số hiệu lợn đực giống	Số lượng liều tinh	Xuất xứ
1					
2					
3					
4					
....					

Thời gian nhập khẩu:.....

Cảng nhập khẩu:.....

Tổ chức, cá nhân nhập khẩu
(Ký tên, đóng dấu)